TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 09/02/2023.
V/v: "Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim H

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Văn M

- Ông Nguyễn Thanh S

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Văn T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2022/TLST-DS ngày 08/6/2022, về việc: "Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-DS ngày 09/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 09/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện H, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình V: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện H, tỉnh B. Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 13/6/2022.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1973 và ông Trần Minh C, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện H, tỉnh B.

Tại phiên toà vắng mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2022, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Đình V trình bày:

Năm 2018, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Ngọc H có chơi huê và bà T có cho bà H vay tiền, sau đó hai bên kết sổ thì bà H còn nợ bà T tiền huê và tiền vay tổng cộng là 136.000.000đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên trong năm 2018 vợ chồng bà T có làm đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc yêu cầu bà H trả số tiền 136.000.000đồng. Trong quá trình toà án giải quyết vụ án thì bà H thừa nhận nợ 136.000.000đồng và đồng ý trả nợ dần nên ngày 09/4/2018 tại Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc bà H có viết giấy nợ và cam kết trả nợ do đó vợ chồng bà T rút đơn khởi kiện. Từ ngày rút đơn khởi kiện, bà H trả cho vợ chồng bà T được 08 tháng, mỗi tháng 2.000.000đồng, tổng cộng đã trả được 08 tháng với số tiền 16.000.000đồng, cụ thể: ngày 15/5/2018, 15/6/2018, 15/7/2018, 15/8/2018, 15/10/2018, 15/11/2018, 15/12/2018 và 15/01/2019 thì sau đó không trả nữa mặc dù vợ chồng bà T đã nhiều lần gặp bà H yêu cầu trả nợ. Tại đơn khởi kiện, vợ chồng bà T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông C trả số nợ gốc 120.000.000đồng với lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 15/02/2019 đến ngày 15/5/2022 là 39.000.000đồng và lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ. Tuy nhiên, tại bản khai ngày 13/6/2022, biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2022 và biên bản không tiến hành hòa giải được bà Nguyễn Thị Thu T xin thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị Ngọc H thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc số tiền 120.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Trần Minh C vắng mặt nên không có bản khai tại hồ sơ.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H, ông C đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 203 và Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Đình V, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà T, ông V số tiền 120.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn. Đây là tranh chấp về nghĩa vụ dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố A, thị trấn B, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Đình V vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Trần Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Đình V buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả số tiền 120.000.000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào giấy nợ và cam kết trả nợ ghi ngày 09/4/2018 của bà Nguyễn Thị Ngọc H thì tại thời điểm bà H lập giấy nợ và cam kết trả nợ thì bà H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; chữ viết trong giấy nợ và cam kết trả nợ theo nguyên đơn trình bày chính là của bà H và bà H viết giấy nợ và cam kết trả nợ tại Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc trên tinh thần tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối và chữ ký phía dưới giấy nợ và cam kết trả nợ cũng chính là của bà Nguyễn Thị Ngọc H ký và ghi họ tên. Theo nội dung giấy nợ và cam kết trả nợ ngày 09/4/2018 thể hiện nội dung *"... Tôi H cam kết trả nợ cho chị Trang mỗi tháng 2 triệu đồng cho đến khi nào hết số nợ 136.000.000đồng. Nếu tôi không trả hàng tháng cho chị Trang thì tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật, bắt đầu trả từ ngày 15/5/2018 ... việc tôi viết giấy nợ này là đúng sự thật và cam kết trả nợ cho bà T đúng thời hạn, nếu tôi không trả đúng thời hạn bà T được quyền kiện tôi ra Toà ..."*. Sau khi bà H viết giấy nợ và cam kết trả nợ thì nguyên đơn rút đơn khởi kiện và từ đó mỗi tháng bà H trả 2.000.000đồng như cam kết trả nợ ngày 09/4/2018, tổng cộng bà H đã trả

được 08 tháng với số tiền 16.000.000đồng, cụ thể: ngày 15/5/2018, 15/6/2018, 15/7/2018, 15/8/2018, 15/10/2018, 15/11/2018, 15/12/2018 và 15/01/2019 thì sau đó không trả nữa, lý do bà H trả liên tiếp từ tháng 5 đến tháng 8/2018 rồi ngưng trả tháng 9/2018, sau đó trả tiếp từ tháng 10/2018 đến tháng 01/2019 là vì tháng 9/2018 đám cưới con bà H nên bà H xin không trả nợ. Mặt khác, tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông Trần Minh C là chồng của bà H cùng liên đới trả nợ nhưng tại bản khai ngày 13/6/2022, biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2022 và biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị Ngọc H thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 120.000.000đồng, lý do tại giấy nợ và cam kết trả nợ ngày 09/4/2018 chỉ thể hiện một mình bà H nợ tiền huê và tiền vay nhưng bà H có hứa là vợ chồng bà H cùng trả nợ nhưng qua xác minh tại địa phương thì nguyên đơn được biết số tiền bà H nợ tiền huê và tiền vay là nợ riêng của bà H, bà H chơi huê và vay tiền là nhằm phục vụ cho cá nhân bà H, ông C không biết và bà H cũng không sử dụng số tiền nợ trên vào phục vụ kinh tế gia đình nên nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị Ngọc H trả số tiền 120.0000.000đồng là đúng quy định pháp luật. Số tiền bà H nợ là số tiền chung của vợ chồng nguyên đơn, vì vậy có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu một mình bà H trả số tiền 120.000.000đồng là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về phần lãi suất: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm đối với số tiền 120.000.000đồng, tính từ ngày 15/02/2019 đến khi xét xử xong vụ án nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, không yêu cầu tính lãi. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét phần lãi suất.

Từ những nhận định và phân tích như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Đình V số tiền 120.000.000đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà T, ông V và ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 280, Điều 351, Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 145, 146 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Đình V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Đình V số tiền 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 6.000.000đồng (sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Đình V số tiền tạm ứng án phí là 3.975.000đồng (ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010869 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Thị Kim H